

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; Khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 457/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 về việc: ***“Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”***, giữa:

Người yêu cầu:

- Anh Lê Văn C, sinh năm 1993.
- Chị Quấn Thị T, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Số nhà 64, ngõ 129, tổ dân phố số 18, phường T, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn C và Chị Quấn Thị T đăng ký kết hôn ngày 13/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội nay là Ủy ban nhân dân phường T, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống làm cho cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai. Anh chị xác định không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Anh chị cùng làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận

Nam Từ Liêm công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh C, chị T có 01 con chung là: Cháu Lê Linh Đ, sinh ngày 29/9/2013. Anh chị thỏa thuận cháu Đ sẽ ở với chị T, Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đ, mức cấp dưỡng là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng/tháng kể từ tháng 12 năm 2019 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc đến khi sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản) : Anh C, chị T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh C, chị T không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí: Chị Quản Thị T tự nguyện chịu cả 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Văn C và Chị Quản Thị T cùng thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh C và chị T có 01 con chung là: Cháu Lê Linh Đ, sinh ngày 29/9/2013. Giao cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh C cấp dưỡng nuôi cháu Đ, mức cấp dưỡng là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng/tháng kể từ tháng 12 năm 2019 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay thế.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung (động sản và bất động sản) :** Anh C, chị T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không xem xét.

- **Về nợ chung:** Anh C, chị T xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Quản Thị T tự nguyện chịu cả 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng lệ phí chị T đã nộp theo biên lai số

AK/2010/0008889 ngày 06/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- VKSND Q. Nam Từ Liêm;
- UBND phường T, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thị Kim Thanh

